| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TN**<br>**TỈNH TN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tấn Phát

2. Ông Trần Tấn Phát

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022,tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Đường số 2A, ĐBP, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Tống Hoàng S, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Số 154, Đường NTC, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T, anh Tống Hoàng S chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường HN, thành phố TN, tỉnh TN. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh S thường xuyên ăn nhậu, chị T đã nhiều lần khuyên anh S sửa đổi nhưng không được. Vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay nên chị T xin ly hôn với anh S.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Tống Thị Bảo N, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu N đang sống cùng với anh S. Nay chị T đồng ý giao cháu N cho anh S nuôi

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của anh Tống Hoàng S trong hồ sơ vụ án:*

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T, anh Tống Hoàng S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường NT, thành phố TN, tỉnh TN. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị T quen người đàn ông khác, bỏ anh và con đi khoảng 02 năm nay để một mình anh nuôi và chăm lo cho con. Nay chị T xin ly hôn với anh S thì anh S đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Tống Thị Bảo N, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu N đang sống cùng với anh S. Anh S yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh S; Về con chung: Giao cháu Tống Thị Bảo N cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị T có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh S cư trú tại số 154, Đường NTC, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố TN theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị T, anh S đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh S chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường HN, thành phố TN, tỉnh TN vào ngày 16/9/2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S: Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, anh S thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ giữa đầu năm 2021 cho đến nay. Anh S trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị T quen người đàn ông khác, bỏ anh và con đi khoảng 02 năm nay để một mình anh nuôi và chăm lo cho con. Như vậy, giữa chị T và anh S đã có phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Chị T xin ly hôn với anh S và anh S cùng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Tống Thị Bảo N, sinh ngày 25/10/2013. Hiện hai con đang sống cùng với anh S. Chị T và anh S đều đồng ý giao cháu N cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử nhận ghi nhận.

Chị T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh S đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; anh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.**Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Tống Hoàng S. Chị T, anh S được ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao cháu Tống Thị Bảo N, sinh ngày 25/10/2013 cho

anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000802 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị T đã nộp đủ án phí.

**5.** Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**6.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- UBND phường HN, TPTN
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Dung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Phát Trần Tấn Phát Đặng Thị Ngọc Dung